TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2018
Về vụ "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Văn Bình
Các hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Phạm Văn Nam
2/. Ông Bùi Việt Thái

Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 về vụ án "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Hoài Nh, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp Bình H, xã Bình Thạnh Tr, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Đặng Hữu T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp Hưng G, xã Mỹ L, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Nhu và chị Tình có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trương Hoài Nh trình bày: Anh và chị Đặng Hữu T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống chồng vợ với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh và chị có với nhau hai người con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị Như Ý, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009 hiện tại đang ở với chị T. Tài sản chung chưa tạo dựng được gì và cũng không nợ ai. Năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống chung giữa vợ chồng không hòa hợp và sống ly thân nhau cho đến nay.

Về con chung: Anh T đồng ý giao hai con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị Như Ý, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009 cho chị

Đặng Hữu T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn chị Đặng Hữu T xác nhận: Anh Trương Hoài Nh trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng. Cuộc sống chung giữa chị và anh Nh không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn. Nay chị đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của anh Nh.

3. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến việc tuân theo pháp luật về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Trương Hoài Nh và chị Đặng Hữu T là vợ, chồng. Về tài sản chung và nợ chung: anh Trương Hoài Nh và chị Đặng Hữu T xác nhận không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện giữa anh Nhu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn. Bị đơn chị Đặng Hữu T có địa chỉ tại ấp Hưng Giang, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh Nh và chị T được xác lập vào năm 2003, do hai anh, chị tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống chồng vợ với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy anh, chị chung sống vợ chồng với nhau có hai người con chung. Mặt dù anh, chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ, chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh Nh và chị T là hôn nhân không hợp pháp đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không có căn cứ để xét xử cho anh Nh và chị T được ly hôn mà phải tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nh và chị T là vợ chồng theo đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất.

[3]. Xét về quan hệ con chung: Anh Nh đồng ý giao hai con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị Như Ý, sinh ngày 04 tháng 8

năm 2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T nhận nuôi hai con chung không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4]. Xét về tài sản chung: anh Nh và chị T xác nhận không có.

[5]. Xét về nợ chung: anh Nh và chị T cam kết không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

[6]. Về án phí: Anh Trương Hoài Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh Nh đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000587 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị T không phải chịu án phí.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; 35; 39; 147; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Trương Hoài Nh và chị Đặng Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị Như Ý, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009 cho chị Đặng Hữu T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T không được cản trở anh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Trương Hoài Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh Nh đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000587 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị T không phải chịu án phí.

Án xử công khai báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHA dân sự huyện Hòn Đất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỒ VĂN BÌNH